

AWARENESS OF GENDER EQUALITY AND URGENT ISSUES OF WOMEN AND CHILDREN IN ETHNIC MINORITY AND MOUNTAINOUS AREAS

Truong Thi Thuy Ha^a
Nguyen Thi Thu Thuy^b

Institute of Women's Research, Vietnam Women's Academy

Email: ^ahattt@vwa.edu.vn; ^bthuyhpvn19@gmail.com

Received: 24/6/2024; Reviewed: 12/7/2024; Revised: 30/8/2024; Accepted: 28/10/2024; Released: 20/11/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/nctd/364>

Based on the initial survey results, Project 8 “Implementing gender equality and solving urgent issues for women and children” chaired by the Vietnam Women's Union is one of 10 projects under the National target program on socio-economic development in ethnic minority and mountainous areas for the period of 2021-2030. Within the scope of the article, the authors clarify the current awareness of gender equality among cadres, civil servants, public employees, prestigious people and community members, at the same time identify urgent current issues for women and children in ethnic minority and mountainous areas.

Keywords: Awareness; Gender Equality; Women; Children; Ethnic minorities; Ethnic minority and mountainous areas.

1. Đặt vấn đề

Bình đẳng giới (BDG) là sự công bằng giữa nam và nữ, đảm bảo họ có cơ hội như nhau để phát triển và đóng góp cho xã hội (Luật Bình đẳng giới, 2006). Định kiến chính là một trong những nguyên nhân gây bất bình đẳng, cản trở sự phát triển của cả hai giới. Để đạt được kết quả bền vững về BDG ở Việt Nam, cần thay đổi nhận thức, nâng cao vị thế phụ nữ. Nhận thức về bình đẳng đóng vai trò trọng tâm trong việc xóa bất BDG, từ đó nâng cao tiếng nói, vị thế của phụ nữ (PN) trong gia đình và xã hội cũng như các hoạt động kinh tế chính trị tại địa phương và góp phần thực hiện mục tiêu BDG và giải quyết các vấn đề cấp thiết với PN, trẻ em vùng DTTS&MN.

Những năm qua, Đảng và Chính phủ đặc biệt quan tâm tới vấn đề giới và BDG, mặc dù đã đạt được những thành tựu đáng kể trong việc xóa bỏ bất BDG song vẫn đang còn nhiều thách thức, bất cập khi nữ giới đang gặp phải những rào cản nhất định trong tất cả các lĩnh vực đời sống kinh tế, chính trị, xã hội gia đình nhất là ở vùng DTTS&MN nơi có điều kiện tự nhiên còn nhiều khó khăn, kém thuận lợi hơn so với các vùng khác trên địa bàn cả nước.

Nhằm tạo sự chuyển biến thực chất về BDG, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội (KT-XH) vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030 chú trọng lồng ghép giới vào 10 dự án thành phần. Trong đó, Dự án 8 do Hội Liên hiệp Phụ nữ (LHPN) Việt Nam chủ trì, tập trung nâng

cao nhận thức và giải quyết các vấn đề của PN, trẻ em gái vùng DTTS&MN. Để có căn cứ xây dựng và triển khai các hoạt động can thiệp có hiệu quả, Học viện Phụ nữ Việt Nam đã tiến hành khảo sát đầu vào của dự án. Trong đó, tìm hiểu thực trạng nhận thức về BDG là nội dung có ý nghĩa quan trọng được dự án quan tâm. Dựa vào kết quả khảo sát ban đầu của Dự án 8, bài viết góp phần làm rõ thực trạng nhận thức về BDG của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CB, CC,VC), người có uy tín (NCUT) và người dân cộng đồng tại vùng DTTS&MN. Đồng thời, xác định những vấn đề cấp thiết đối với PN, trẻ em vùng DTTS&MN.

2. Tổng quan nghiên cứu

Các nghiên cứu đã chỉ ra, khoảng cách về giới, bất BDG vẫn còn tồn tại trong các nhóm dân tộc và giữa các nhóm dân tộc thiểu số (DTTS) với dân tộc Kinh đã gây ra những ảnh hưởng trực tiếp và dai dẳng đến việc phát triển KT-XH cùng nguy cơ tụt hậu của vùng (Minh, 2020). Nghiên cứu quốc gia thường niên về BDG giới cho thấy, phụ nữ thường có ít cơ hội đưa ra quyết định về kinh tế và chính trị hơn nam giới, nhiều trường hợp, họ không có quyền quyết định bất cứ điều gì trong cuộc sống gia đình. Nguyên nhân chính của điều này có thể là do rào cản văn hóa, trình độ học vấn thấp và thiếu cơ hội sở hữu các nguồn lực sản xuất như đất đai, vốn và tài sản (United Nations Viet Nam, 2020).

Nghiên cứu của Oxfam (2010, 2017) chỉ ra, nam giới thường chiếm ưu thế trong kiểm soát đất

đai và các tài sản có giá trị khác. Hầu hết các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp mang tên chủ hộ là nam giới. Điều đó ảnh hưởng đến quyền lợi cũng như việc tiếp cận các nguồn lực phát triển kinh tế của PN như trường hợp ly hôn hoặc tiếp cận tín dụng và đầu tư. Theo đánh giá của World Bank (2020), phụ nữ ở nông thôn, huyện nghèo, xã nghèo vẫn gặp nhiều bất lợi trong sở hữu đất đai dẫn đến những bất lợi cho PN trong tiếp cận tín dụng (UN Women, 2021). Đặc biệt, nhóm phụ nữ các DTTS là nhóm xã hội dễ bị tổn thương do các quy định khắc khe về sở hữu tài sản đối với con gái và PN trong xã hội truyền thống. Đối với các cộng đồng phụ hệ như miền núi phía Bắc, tất cả các tài sản là do đàn ông sở hữu và quản lý, định đoạt. Ở nhóm dân tộc phụ hệ như Mông, Dao, Bru - Vân Kiều thì tài sản thuộc về người chủ hộ trong gia đình và thường người chủ hộ là nam giới, cho nên người đàn ông là người đứng tên sở hữu tài sản của vợ chồng (Oxfam, Actinaid, Isee, 2010).

Nghiên cứu của Ủy ban Dân tộc và UNDP (2017) cho thấy: tỷ lệ mù chữ của nữ DTTS chiếm khá cao (40%) (Irich Aid, Ủy ban Dân tộc & UNDP, 2017). Và có sự khác nhau ở từng nhóm DTTS: các nhóm các dân tộc Mông, Dao, Xơ-Đang, Khơ-mú có tỷ lệ phụ nữ không biết tiếng phổ thông cao nhất, tỷ lệ PN mù chữ, không đi học hay không có kỹ năng lao động cũng thuộc nhóm cao nhất trong các DTTS (Minh, & Hoa, 2020:84). Tại các huyện nghèo, xã nghèo, vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn lớn hơn so với mức trung bình vùng nông thôn. Chênh lệch về tiếp cận các cơ hội đào tạo là một trong những rào cản đối với PN trong tiếp cận thị trường lao động chính thức, các công việc lao động có trả lương (Hội LHPN Việt Nam, Ủy ban các vấn đề xã hội, Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội, 2020).

Trong lĩnh vực lao động và việc làm: lao động nữ vẫn chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp và gặp nhiều rào cản trong chuyên dịch việc làm phi nông nghiệp (UN Women, 2021). PN gặp nhiều rào cản hơn so với lao động nam trong tham gia vào thị trường lao động phi nông nghiệp do những cản trở xuất phát từ định kiến về vai trò giới trong gia đình và cộng đồng (Hội LHPN Việt Nam, Ủy ban các vấn đề xã hội, Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội, 2020). Ngay cả trong lĩnh vực nông nghiệp thì lao động nữ cũng có những bất lợi hơn so với nam giới. Nghiên cứu của FAO (2019) đã chỉ ra: có 39% lao động nữ trong nông nghiệp làm các loại công việc không được trả công trong khi tỷ lệ tương ứng với lao động nam là 18,6%. Tiền lương trung bình của PN cũng thấp hơn đáng kể so với nam giới. Tính trung bình, nam giới đang có thu nhập cao hơn nữ giới khoảng 12,2%. Trong nông nghiệp, tiền lương của PN trung bình chỉ bằng 69% của nam giới;

tỷ lệ đó trong công nghiệp và dịch vụ tương ứng là 83% và 85% (FAO, 2019).

Có thể thấy, PN, đặc biệt là PN DTTS, bị đánh giá thấp và không được hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế một cách công bằng. Họ cũng bị hạn chế về quyền ra quyết định, khoảng cách thu nhập theo giới tính vẫn chưa giảm (World Bank, 2018). Các rào cản về ngôn ngữ, nhận thức và định kiến giới càng làm trầm trọng thêm khoảng cách này, dẫn đến sự gia tăng chênh lệch thu nhập và bất bình đẳng xã hội (Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam & các cộng sự, 2018).

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành bằng phương pháp định lượng và định tính. Phương pháp định lượng được tiến hành qua khảo sát bằng bảng hỏi với tổng số 1501 bảng hỏi (trong đó 759 PN, 372 nam giới, 370 là CBCCVC, NCUT trong cộng đồng, trong độ tuổi từ 18-55 tuổi (với NCUT trong cộng đồng tuổi cao hơn, phải đảm bảo sự minh mẫn). Phương pháp định tính được thực hiện thông qua phỏng vấn sâu (PVS), thảo luận nhóm (TLN) với PN, nam giới, CBCCVC, NCUT trong cộng đồng.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Nhận thức của đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, người uy tín trong cộng đồng về bình đẳng giới

Nhận thức về BDG được tìm hiểu thông qua nhận thức về thực hiện việc nhà, quyền quyết định các vấn đề lớn trong gia đình, vai trò của PN và nam giới đóng góp và sử dụng thu nhập chung của gia đình; gây bạo lực với vợ/chồng và độ tuổi kết hôn. Nhận thức về BDG được đánh giá trên thang đo 5 mức độ: Từ hoàn toàn không đồng ý đến Hoàn toàn đồng ý (1-5), trong đó mức độ nhận thức cao nhất là 5 điểm. Kết quả khảo sát cho thấy:

Đội ngũ CBCCVC và NCUT trong cộng đồng nhận thức tốt về các vấn đề: Bình đẳng trong chia sẻ việc nhà; quyền và nghĩa vụ của PN trong tham gia vào các hoạt động kinh tế, đóng góp và sử dụng thu nhập của gia đình; quyền quyết định các vấn đề trong gia đình; bạo lực trong gia đình và độ tuổi kết hôn đúng, điểm trung bình (ĐTB) các nhận định đều ở mức > 4 điểm trong thang đo 5 mức độ, tức mức tốt. Nhận thức về các vấn đề BDG tại 8 tỉnh khảo sát: Lai Châu, Lào Cai, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Quảng Ngãi, Gia Lai, Bình Phước, Sóc Trăng tương đối đều và không có sự khác biệt nhiều.

Nhận định mang định kiến về giới trong thực hiện việc nhà là việc của PN, PN phải đảm nhiệm chính, ĐTB nhận thức chung là 1,68 điểm trung bình nhận thức càng thấp, thì nhận thức bình đẳng trong thực hiện việc nhà càng cao. Trong 8 tỉnh, Gia Lai có điểm trung bình cao nhất ĐTB = 2,29, cho thấy những định kiến về giới trong thực hiện việc

nhà việc nhà ở đây vẫn còn chiếm một tỷ lệ nhất định trong đội ngũ CBCCVC và trường thôn/bản, NCUT trong cộng đồng, trong đó có 17,9% ý kiến hoàn toàn đồng ý với nhận định này.

Nhận định mang định kiến giới trong quyết định vấn đề lớn trong gia đình, ĐTB chung nhận định là 2,72, cao hơn mức trung bình, cho thấy những định kiến về giới trong quyết định các vấn đề lớn của gia đình ở đội ngũ CBCCVC và trường thôn

NCUT trong cộng đồng vẫn còn, tuy không quá cao nhưng tập trung ở một số tỉnh. Gia Lai là tỉnh có có điểm trung bình nhận thức ở nhận định này cao nhất (ĐTB =3,67), sau đó là các tỉnh: Lai Châu, Lào Cai (ĐTB lần lượt là 3,05; 3,0), điều này cho thấy, đội ngũ CBCCVC và trường thôn, NCUT trong cộng đồng ở 3 tỉnh Gia Lai, Lai Châu, Lào Cai vẫn còn mang nặng những định kiến về giới trong quyết định các vấn đề lớn trong gia đình.

Bảng 1. Nhận thức của cán bộ công chức/viên chức, người có uy tín trong cộng đồng về khuôn mẫu giới, bạo lực gia đình xét theo địa bàn khảo sát

(*Tính theo ĐTB với thang đo 5 mức độ: 1. Hoàn toàn không đồng ý; 2. Phần lớn không đồng ý; 3. Phân vân; 4. Phần lớn đồng ý; 5. Hoàn toàn đồng ý*)

Các nhận định	Lai Châu	Lào Cai	Thái Nguyên	Thanh Hoá	Quảng Ngãi	Gia Lai	Bình Phước	Sóc Trăng	Chung
<i>N=</i>	46	50	49	50	36	38	50	50	369
Việc nhà là việc riêng của PN, PN phải đảm nhiệm chính việc nhà	1,57	1,69	1,64	1,49	1,56	2,29	1,56	1,82	1,68
Việc nhà là việc chung của tất cả thành viên trong gia đình, nam giới phải có trách nhiệm chia sẻ	4,67	4,30	4,29	4,54	4,56	4,39	4,68	4,72	4,52
PN có quyền, nghĩa vụ tham gia các hoạt động kinh tế và đóng góp vào thu nhập của gia đình	4,83	4,62	4,52	4,64	4,75	4,53	4,68	4,72	4,66
PN được ngang hàng với nam giới trong sử dụng thu nhập chung của gia đình	4,91	4,72	4,45	4,74	4,86	4,46	4,72	4,80	4,71
PN được cùng quyết định với nam giới trong mọi việc của gia đình	4,80	4,64	4,57	4,67	4,53	4,45	4,86	4,78	4,67
Nam giới có toàn quyền quyết định các vấn đề lớn của gia đình	3,02	3,04	2,35	2,33	2,31	3,62	2,53	2,70	2,72
Nữ dưới 18 tuổi và nam dưới 20 tuổi không được kết hôn	4,23	4,60	4,29	4,41	4,62	4,14	4,63	4,40	4,24
Gây bạo lực với vợ/chồng là vi phạm pháp luật	4,24	3,98	4,77	4,49	4,56	4,03	4,45	4,80	4,42

Nguồn. Kết quả khảo sát ban đầu Dự án 8 năm 2022

Nhìn chung, nhận thức về BĐG giữa đội ngũ cán bộ, NCUT nam và nữ là tương đối đồng đều, không có sự khác biệt nhiều. Tuy nhiên, nhận thức về một số nội dung ở nữ giới tốt hơn nam giới như các nhận định mang định kiến giới trong thực hiện việc nhà và quyền quyết định các vấn đề lớn trong gia đình, điểm trung bình nhận thức ở Nữ ĐTB = 1,46 so với

2,19), Nam (ĐTB= 1,79 so với 2,93), cho thấy nhận thức BĐG của đội ngũ cán bộ, NCUT Nữ ở các nội dung này tốt hơn Nam giới. Đội ngũ cán bộ, NCUT Nam vẫn còn mang những định kiến về giới trong thực hiện việc nhà và quyền quyết định các vấn đề lớn trong gia đình.

Bảng 2. Nhận thức của cán bộ công chức/viên chức, người có uy tín trong cộng đồng về khuôn mẫu giới, bạo lực gia đình xét theo giới tính và đối tượng

(*Tính theo ĐTB với thang đo 5 mức độ: 1. Hoàn toàn không đồng ý; 2. Phần lớn không đồng ý; 3. Phân vân; 4. Phần lớn đồng ý; 5. Hoàn toàn đồng ý*)

Các nhận định	Nam	Nữ	Cán bộ CC,VC	Người có uy tín	Chung
N=	226	143	246	123	369
Việc nhà là việc riêng của PN, PN phải đảm nhiệm chính việc nhà	1,81	1,48	1,59	1,87	1,68
Việc nhà là việc chung của tất cả thành viên trong gia đình, nam giới phải có trách nhiệm chia sẻ	4,48	4,59	4,53	4,50	4,52
PN có quyền, nghĩa vụ tham gia các hoạt động kinh tế và đóng góp vào thu nhập của gia đình	4,60	4,75	4,66	4,66	4,66
PN được ngang hàng với nam giới trong sử dụng thu nhập chung của gia đình	4,66	4,78	4,72	4,68	4,71
PN được cùng quyết định với nam giới trong mọi việc của gia đình	4,62	4,76	4,71	4,59	4,67
Nam giới có toàn quyền quyết định các vấn đề lớn của gia đình	2,99	2,30	2,47	3,23	2,72
Nữ dưới 18 tuổi và nam dưới 20 tuổi không được kết hôn	4,37	4,50	4,51	4,23	4,42
Gây bạo lực với vợ/chồng là vi phạm pháp luật	4,36	4,51	4,53	4,23	4,42

Nguồn. Kết quả khảo sát ban đầu Dự án 8 năm 2022

Đội ngũ CBCCVC có nhận thức về BĐG tốt hơn đội ngũ NCUT trong cộng đồng. Sự khác biệt thể hiện rõ nhất ở các nội dung mang định kiến trong thực hiện việc nhà và quyền quyết định các vấn đề lớn trong gia đình, điểm trung bình nhận thức 2 nhận định này ở nhóm CBCCVC lần lượt là 1,55 và 2,38; ở nhóm NCUT trong cộng đồng là 1,91 và 3,18. Cho thấy, ở NCUT trong cộng đồng vẫn còn mang nặng những định kiến về giới trong quyết định việc lớn trong gia đình, có 37,2% ý kiến của NCUT đồng ý rằng: nam giới có quyền quyết định các vấn đề lớn trong gia đình và việc nhà của phụ nữ.

Có thể thấy, nhận thức của đội ngũ CBCCVC và NCUT về BĐG là tương đối đồng đều và không có sự khác biệt nhiều. Các tỉnh Gia Lai, Lai Châu, Lào Cai nhận thức của đội ngũ CBCCVC và NCUT vẫn còn mang những định kiến về giới trong thực hiện việc nhà và quyền quyết định các vấn đề lớn của gia đình. Đội ngũ cán bộ, NCUT nữ nhận thức về BĐG

tốt hơn đội ngũ cán bộ NCUT nam. Đội ngũ cán bộ, NCUT nam vẫn còn mang những định kiến về giới trong thực hiện việc nhà và quyền quyết định các vấn đề lớn trong gia đình. Đội ngũ CBCCVC có nhận thức về BĐG tốt hơn nhóm NCUT trong cộng đồng. NCUT trong cộng đồng vẫn còn mang nặng những định kiến về giới trong quyết định việc lớn trong gia đình.

4.2. Nhận thức của người dân cộng đồng về bình đẳng giới

Tại 8 tỉnh khảo sát, đa số PN và nam giới vùng DTTS&MN có nhận thức tích cực về BĐG trong gia đình, đặc biệt trong các lĩnh vực như phân công việc nhà, tham gia kinh tế và quyền quyết định. Tuy nhiên, định kiến giới vẫn tồn tại thể hiện 32% PN và 34,7% nam giới đồng ý với nhận định “việc nhà là việc của PN” và 35,3% PN và 45,7% nam giới cho rằng “nam giới có toàn quyền quyết định các vấn đề lớn của gia đình”.

Kết quả khảo sát cũng chỉ ra sự khác biệt về nhận thức giữa các tỉnh. Trong đó, Sóc Trăng và Quảng Ngãi có tỷ lệ đồng ý cao nhất với nhận định về việc nhà thuộc về PN (điểm trung bình lần lượt là 3,37 và 2,74), trong khi Sóc Trăng và Gia Lai có mức độ đồng tình cao nhất với nhận định về quyền quyết định của nam giới (điểm trung bình lần lượt là 3,21 và 3,05). Tư liệu định tính cũng cho thấy:

“Nói chung đa số việc lớn là người chồng quyết định, người vợ tham gia đóng góp ý kiến... Việc thôn/bán họp chủ yếu là người chồng quyết định, chị em được tham gia, nhưng quyết định thì vẫn là đàn ông”

(PVS nam, 32 tuổi, người Mông, xã Lũng Phình, Bắc Hà, Lào Cai)

Mặc dù, có những chuyển biến tích cực trong nhận thức về BDG nhưng các khuôn mẫu giới và định kiến vẫn còn ảnh hưởng đáng kể, đặc biệt ở nam giới và một số địa phương. Điều này nhấn mạnh sự

cần thiết của các chương trình can thiệp nhằm thúc đẩy BDG một cách toàn diện và bền vững.

Ở 6 mệnh đề phản ánh nhận thức về khuôn mẫu giới, BDG: thực hiện việc nhà, quyền quyết định, tham gia đóng góp vào kinh tế của gia đình và sử dụng nguồn thu nhập của gia đình thì PN DTTS đều có nhận thức tốt hơn nam giới. Trong đó, sự khác biệt nhận thức về quyền quyết định các vấn đề lớn trong gia đình giữa hai giới là đáng kể, với điểm trung bình lần lượt là 2,69 và 3,08. Điều này, một phần do Hội phụ nữ là đầu mối truyền thông nâng cao nhận thức về BDG nên hội viên là người được hưởng lợi trực tiếp, chính vì thế họ có nhận thức tốt hơn về vai trò và quyền quyết định của PN trong gia đình ngày nay. Kết quả này gợi ý rằng không chỉ tuyên truyền với hội viên, phụ nữ mà cần truyền thông với cả nam giới để cùng thay đổi cách nhìn và hành động, vừa để chia bớt gánh nặng, vừa để mọi người có thói quen làm việc, chia sẻ với nhau và xây dựng gia đình.

Bảng 3. Nhận thức của phụ nữ và nam giới DTTS về khuôn mẫu giới, bạo lực gia đình xét theo địa bàn khảo sát

(Tính theo ĐTB với thang đo 5 mức độ, trong đó thang đo cao nhất là 5 điểm: 1. Hoàn toàn không đồng ý; 2. Phần lớn không đồng ý; 3. Phần vãn; 4. Phần lớn đồng ý; 5. Hoàn toàn đồng ý)

Các nhận định	Giới tính		Chung
	Nữ	Nam	
N=	759	372	1311
Việc nhà là việc riêng của PN, PN phải đảm nhiệm chính việc nhà	2,47	2,55	2,50
Việc nhà là việc chung của tất cả thành viên trong gia đình, nam giới phải có trách nhiệm chia sẻ	4,38	4,35	4,37
PN có quyền, nghĩa vụ tham gia các hoạt động kinh tế và đóng góp vào thu nhập của gia đình	4,39	4,28	4,35
PN được ngang hàng với nam giới trong sử dụng thu nhập chung của gia đình	4,33	4,30	4,32
PN được cùng quyết định với nam giới trong mọi việc của gia đình	4,41	4,30	4,37
Nam giới có toàn quyền quyết định các vấn đề lớn của gia đình	2,69	3,08	2,82
Nữ dưới 18 tuổi và nam dưới 20 tuổi không được kết hôn	4,21	4,02	3,86
Gây bạo lực với vợ/chồng là vi phạm pháp luật	4,18	3,89	4,07

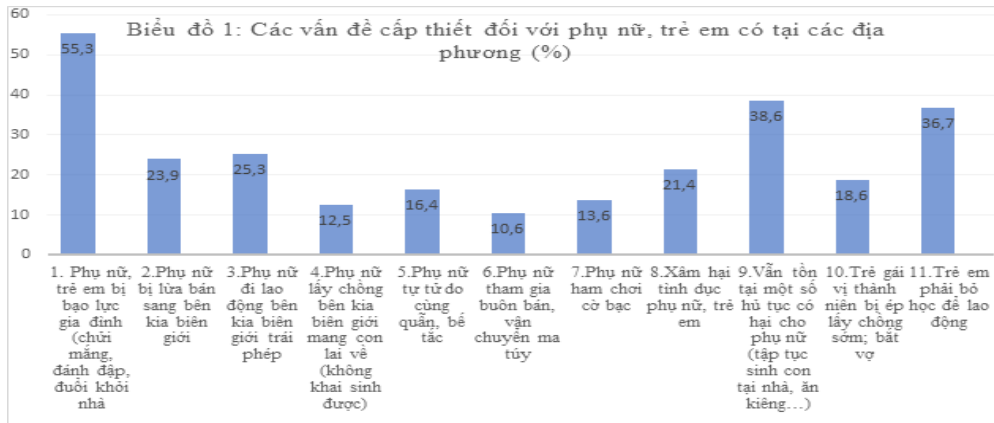
Nguồn. Kết quả khảo sát ban đầu Dự án 8 năm 2022

4.3. Nhận thức về các vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ, trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Theo kết quả khảo sát định lượng bằng bảng hỏi với CBCCVC và NCUT trong cộng đồng tại 8 tỉnh cho thấy, các vấn đề cấp thiết nhất liên quan PN trẻ em được nhận định: (1) “PN, trẻ em bị bạo lực gia đình” có đến 55,3% cán bộ và NCUT trong cộng đồng nhận định; (2) tồn tại một số hủ tục có hại cho PN (tập tục sinh con tại nhà, ăn kiêng...) với

38,6%; (3) vấn đề “trẻ em bị bỏ học để lao động” chiếm 36,7%, PN đi lao động trái phép và bị lừa bán chiếm hơn 20%. Các vấn đề khác, tuy không nhiều nhưng lại nổi cộm ở một số tỉnh.

Các vấn đề cấp thiết liên quan tới PN, trẻ em ở từng tỉnh khảo sát cũng có sự khác nhau. Các vấn đề như PN, trẻ em bị bạo lực gia đình; các hủ tục có hại cho PN, trẻ em; trẻ em bỏ học để lao động được nhận định là các vấn đề cấp thiết nhất còn tồn tại ở các địa phương:



Một là, PN, trẻ em bị bạo lực gia đình: Là vấn đề tồn tại ở hầu hết các tỉnh khảo sát, Bình Phước là tỉnh có tỷ lệ CBCCVC cho rằng “có” vấn đề này ở địa phương cao nhất với 76%, sau đó là các tỉnh Gia Lai, Quảng Ngãi, Thái Nguyên, Lai Châu (73%; 63,9%, 63,3%, 50%), tỉnh thấp nhất Lào Cai cũng có đến 30% ý kiến nhận định có vấn đề này ở địa phương. Tư liệu định tính ở các địa phương cũng làm rõ thêm bức tranh thực trạng vấn đề bạo lực với PN, trẻ em:

“Bạo lực gia đình ở đây là nhiều nhất. Thường là chồng say rượu rồi về đánh vợ. Rồi là bạo lực kinh tế khi hai vợ chồng cùng làm ra nhưng khi vợ hỏi tiền thì chồng quát đánh. Rồi gánh nặng gia đình đối với chúng em là nhiều nhất, việc nhà, đi học, cho con học. Theo đánh giá của em thì 6/8 chị em của nhóm là có bị bạo lực gia đình”

(TLN, Nữ DTTS, xã Trà Tây, Trà Bồng, Quảng Ngãi)

“... Những gia đình có bạo lực thì PN tự ti, mặc cảm không dám tiếp xúc với mọi người bên ngoài, ngại tiếp xúc với những gia đình khác. Con cái gì bị ảnh hưởng và bỏ học sớm và lêu lổng, bỏ nhà theo bạn xấu, ăn chơi”

(PVS, Lãnh đạo Hội Phụ nữ, xã Ia B roãi, IaPa, Gia Lai)

Hai là, vẫn còn tồn tại các hủ tục có hại cho PN, trẻ em: được nhận định vẫn còn chiếm tỷ lệ cao ở các tỉnh Quảng Ngãi chiếm (69,4%), Lào Cai (62%), Gia Lai (59,5%), Thái Nguyên (49%). Các hủ tục có hại cho PN, trẻ em DTTS được đề cập đến tại các địa phương như: Mang thai không thăm khám, sinh con tại nhà, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, sinh nở không được nghỉ ngơi phục hồi sức khỏe, dinh dưỡng cho bà mẹ trẻ em... là những hủ tục có hại ảnh hưởng đến PN, trẻ em được đề cập đến tại các địa phương khảo sát:

“... Một số tập tục cũ chẳng hạn như tảo hôn hoặc ép con cái lấy trong huyết thống, con có lấy con cậu vẫn còn,.. rồi sinh con tại nhà, mang thai không thăm khám, họ đẻ con đầu tiên ở nhà, bà

ngoại đờ đẻ luôn, đến sinh đứa tiếp theo cũng cứ như vậy nên có nhiều nguy cơ nguy hiểm cho mẹ và cho con”

(PVS, Nam, dân tộc X’Tiêng, xã Đắc ơ, Bùì Gia Mập, Bình Phước)

Nhiều PN sinh con xong không được chăm sóc và phải lao động sớm như ở một số địa phương tại Lai Châu

“PN Dao đẻ được 3 ngày, là phải tự nấu cơm, giặt giũ và chăm con, làm hết các việc trong nhà luôn. Những gia đình mà không vừa ý với con dâu thì cũng kệ, cho ăn gì thì ăn không quan tâm. Nhiều chị em 3 ngày đã phải ra nương ra rẫy”

(TLN, Nữ DTTS, xã Nậm Xé, Phong Thổ, Lai Châu)

Tảo hôn cũng là vấn đề còn tồn tại ở nhiều địa phương: Trẻ em gái vị thành niên bị ép lấy chồng sớm, bắt vợ, được nhận định nhiều nhất ở tỉnh Thái Nguyên với 30,6%, sau đó đến Gia Lai với 29,7%, ý kiến của đội ngũ CBCCVC và NCUT nhận định có vấn đề này.

Bà là, trẻ em bỏ học để lao động: được nhận định có nhiều nhất tại tỉnh Gia Lai với (59,5%), sau đó đến các tỉnh Sóc Trăng (57,8%), Quảng Ngãi (47,2%).

Ngoài ra, một số vấn đề khác nổi cộm ở một số tỉnh cụ thể: “PN đi lao động bên kia biên giới trái phép, PN bị lừa bán sang bên kia biên giới” được nhận định nhiều tại tỉnh Thái Nguyên với (57,1% và 51%), Lào Cai (40% và 30%).

Xâm hại tình dục PN, trẻ em: vấn đề này được CBCCVC và NCUT trong cộng đồng ở nhiều tỉnh nhận định là có tại địa phương, trong đó: Bình Phước là tỉnh chiếm tỷ lệ cao nhất (34%), Thái Nguyên (32,7%), Gia Lai (32,4%); Sóc Trăng (31,1%) nhận định có vấn đề này.

PN ham chơi cờ bạc: được nhận định là vấn đề nổi cộm ở tỉnh Lai Châu với 34,8% ý kiến của đội ngũ CBCCVC và NCUT trong cộng đồng nhận định có vấn đề này. Bên cạnh đó, tệ nạn này cũng được đề cập đến ở Sóc Trăng qua tư liệu PVS:

“PN ham chơi, cờ bạc, lô đề có ở địa phương. Một số PN, vì ham cờ bạc phải bán đất, thiếu nợ, con cái không ai được học tới nơi, tới chốn, có PN chơi cờ bạc bỏ không được, bị nghiện rồi”

(PVS nữ dân tộc Khmer, 29 tuổi, Sóc Trăng)

Ngoài ra, ở một số địa phương tình trạng PN nghiện rượu như ở Gia Lai:

“Chị em nghiện rượu và không làm được gì, mỗi ngày 10 nghìn bịch rượu uống miết, uống hết thì mới đi làm kiếm tiền xong lại mua để uống. Nhiều chị em uống rượu thay cơm, 50 chị em thì có vài chị là nghiện rượu. Ảnh hưởng đến sức khỏe, kinh tế gia đình, sinh con bị bệnh suy dinh dưỡng, còi cọc...”

(PVS nữ dân tộc Gia-rai, 31 tuổi, Xã Ia B roãi - huyện IaPa - Gia Lai)

Có sự khác nhau theo giới tính và đối tượng (CBCCVC và NCUT) trong việc nhìn nhận một số vấn đề cấp thiết với PN và trẻ em tại các địa phương: Cán bộ, NCUT Nam nhận định có các vấn đề “PN bị lừa bán sang bên kia biên giới; Xâm hại tình dục PN, trẻ em; Trẻ gái vị thành niên bị ép lấy chồng sớm, bắt vợ sớm” ít cấp thiết hơn so với đội ngũ cán bộ NCUT là Nữ lần lượt là (20,7%; 17,1%; 16,1%) trong khi tỷ lệ này ở đội ngũ cán bộ NCUT Nữ là (28,6%; 27,9%; 22,9%), cho thấy đội ngũ CBCCVC, NCUT tin Nữ có sự nhạy cảm về giới hơn khi nhìn nhận các vấn đề đối với chính bản thân PN ở địa phương.

Nhóm CBCCVC nhận định các vấn đề: Hủ tục có hại cho PN (tập tục sinh con tại nhà, ăn kiêng...); PN đi lao động bên kia biên giới trái phép; PN tự tử do cùng quẫn, bế tắc lần lượt là (40,2%; 28,2%, 19,5%) tốt hơn so với nhóm NCUT trong cộng đồng (35,3%; 19,3%; 10,1%), phản ánh đúng thực tế vì họ làm công tác quản lý tại địa phương nên bao quát, nắm bắt được các vấn đề tại địa phương tốt hơn nhóm NCUT trong cộng đồng.

5. Thảo luận

Nhìn chung, nhận thức về BDG ở đội ngũ CBCCVC và NCUT tốt hơn so với người dân cộng đồng. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những định kiến về giới trong thực hiện việc nhà và quyền ra quyết định nhất là ở nhóm NCUT trong cộng đồng. PN, nam giới người dân trong cộng đồng có hiểu biết nhất định về BDG nhưng những định kiến, khuôn mẫu mới về thực hiện việc nhà và quyền quyết định còn chưa có nhiều thay đổi ở cả nam giới và PN.

Các vấn đề xã hội cấp thiết khá phổ biến ở các tỉnh khảo sát: bạo lực gia đình, hủ tục có hại cho PN, trẻ em bị bỏ học để lao động sớm. Ngoài ra còn các vấn đề khác đáng lo ngại ở từng địa phương như: lao động bên kia biên giới trái phép, PN bị lừa bán sang biên giới, xâm hại tình dục PN, trẻ em, nạn tảo hôn, cưỡng ép hôn nhân.

Để nâng cao nhận thức về BDG tại vùng DTTS&MN, cần tập trung vào việc truyền thông, tập huấn nâng cao nhận thức về BDG cho đội ngũ cán bộ cơ sở và uy tín trong cộng đồng. Họ là lực lượng nòng cốt tại cơ sở cũng là người có vị thế tại cộng đồng, lại nắm giữ luật tục của cộng đồng. Tập huấn thay đổi nhận thức của đội ngũ này sẽ phát huy được vai trò nòng cốt của họ, có tác động tích cực đến thúc đẩy BDG tại địa phương nhất là ở những địa phương còn tồn tại những hủ tục có hại cho PN trẻ em như tảo hôn, hôn nhân cận huyết, sinh đẻ tại nhà,... Thứ 2, tăng cường sự tham gia của cán bộ, NCUT là Nam giới vào công tác truyền thông, tập huấn về BDG, nam giới sẽ là nhân tố mang tính lan tỏa mạnh. Thứ 3, cần đẩy mạnh công tác truyền thông nâng cao nhận thức về BDG trong cộng đồng, đặc biệt ở một số tỉnh như Lai Châu, Quảng Ngãi, Gia Lai, Sóc Trăng. Về nội dung truyền thông, tập huấn cần tập trung hơn nữa vào việc xóa bỏ các hủ tục có hại đối với PN, trẻ em trong cộng đồng, xóa bỏ định kiến về giới, khuôn mẫu giới trong phân công lao động trong gia đình, quyền quyết định, về vai trò của PN, quyền trẻ em và mối quy hại của tảo hôn, hôn nhân cận huyết, bạo lực gia đình.

6. Kết luận

Các vấn đề bức thiết liên quan tới PN, trẻ em được CBCCVC và NCUT trong cộng đồng xác định có ba vấn đề lớn: (1) PN trẻ em bị bạo lực gia đình; (2) Các hủ tục có hại cho PN (tập tục sinh con tại nhà, ăn kiêng...); (3) Trẻ em bị bỏ học để lao động. Các vấn đề khác, tuy không nhiều nhưng lại nổi cộm ở một số tỉnh.

PN trẻ em bị bạo lực gia đình được nhận định chiếm tỷ lệ cao ở hầu hết các tỉnh nhưng cao nhất ở các tỉnh: Bình Phước, Gia Lai, Quảng Ngãi, Thái Nguyên.

Một số hủ tục có hại cho PN, trẻ em vẫn còn cao ở các tỉnh Quảng Ngãi, Lào Cai, Gia Lai, Thái Nguyên. Các hủ tục có hại cho PN, trẻ em DTTS được đề cập đến tại các địa phương như: Mang thai không thăm khám, sinh con tại nhà, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thông, sinh nở không được nghỉ ngơi phục hồi sức khỏe, dinh dưỡng cho bà mẹ trẻ em...; Trẻ em bỏ học để lao động: được nhận định còn cao ở các tỉnh Gia Lai, Sóc Trăng, Quảng Ngãi. Ngoài ra, một số vấn đề khác nổi cộm ở một số tỉnh cụ thể: vấn đề “PN đi lao động bên kia biên giới trái phép, PN bị lừa bán sang bên kia biên giới” được nhận định nhiều tại tỉnh Thái Nguyên, Lào Cai.

Xâm hại tình dục PN, trẻ em cũng là vấn đề được nhận định có tại nhiều địa phương, trong đó, tập trung cao hơn ở một số tỉnh: Bình Phước, Thái Nguyên, Gia Lai, Sóc Trăng. Trẻ em gái vị thành niên bị ép lấy chồng sớm, bắt vợ, được nhận định còn nhiều ở Thái nguyên, Gia Lai. PN ham chơi cờ bạc là vấn đề được nhận định là vấn đề nổi cộm ở tỉnh Lai Châu.

Tài liệu tham khảo

Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội. (2021). *Báo cáo tóm tắt đánh giá độc lập: Phân tích giới trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững*.

Học viện Phụ nữ Việt Nam. (2022). Kết quả khảo sát ban đầu năm 2022, Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ, trẻ em” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 1: 2021-2025. Hà Nội: Nxb. Dân trí.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy ban các vấn đề xã hội, Hội đồng Dân tộc của Quốc hội & Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội. (2020). *Lồng ghép giới trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*.

Irich Aid, Ủy ban Dân tộc., & UNDP. (2017). *Tổng quan thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số (dựa trên kết quả phân tích điều tra thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2015)*.

Loan, T. T. T. (2016). Tiếp cận đất đai, vốn và việc làm của phụ nữ nông thôn Việt Nam, in trong sách *Các chiều cạnh giới của sự tách biệt xã hội hướng tới chính sách toàn diện hơn đối với phụ nữ* do Võ Khánh Vinh & Nguyễn Hữu Minh (Chủ biên). Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

Minh, N. H., & Hoa, Đ. T. (2020). *Thực hiện bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

Oxfam. (2010). *Thu hẹp khoảng cách: Cùng giảm bất bình đẳng ở Việt Nam*. Hà Nội.

Oxfam, Actinaid., & Isee. (2010). *Báo cáo hiện trạng bất bình đẳng giới trong cộng đồng dân tộc thiểu số*. Hà Nội.

Quốc Hội. (2006). Luật Bình đẳng giới.

Thủ tướng Chính phủ. (2021). Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 *Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025*.

Tổng cục Thống kê. (2020). *Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.

UNDP. (2017). *Báo cáo quốc gia về phát triển con người Việt Nam*. Báo cáo nghiên cứu.

UN Women. (2021). *Thúc đẩy lồng ghép giới trong chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025*.

Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội., & UNDP. (2018). *Nghèo đa chiều ở Việt Nam*. Báo cáo nghiên cứu.

NHẬN THỨC VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ CÁC VẤN ĐỀ CẤP THIẾT CỦA PHỤ NỮ, TRẺ EM VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Trương Thị Thúy Hà^a
Nguyễn Thị Thu Thủy^b

Viện Nghiên cứu phụ nữ, Học viện Phụ nữ Việt Nam
Email: ^ahattt@vwa.edu.vn; ^bthuyhpvn19@gmail.com

Nhận bài: 24/6/2024; Phản biện: 12/7/2024; Tác giả sửa: 30/8/2024; Duyệt đăng: 28/10/2024; Phát hành: 20/11/2024
DOI: <https://doi.org/10.54163/mcdt/364>

Dựa trên kết quả khảo sát ban đầu dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết các vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ trẻ em” do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chủ trì, là một trong 10 dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Trong phạm vi bài viết, nhóm tác giả làm rõ thực trạng nhận thức về bình đẳng giới của đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, người uy tín và người dân cộng đồng, đồng thời xác định những vấn đề cấp thiết hiện nay đối với phụ nữ, trẻ em ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Từ khóa: Nhận thức; Bình đẳng giới; Phụ nữ; Trẻ em; Dân tộc thiểu số; Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.